

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1109/2013/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 05 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT- BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 1613/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế tạm thời về xét tuyển dụng công chức cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Nguyễn Hoàng Anh

QUY CHẾ

Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1109 /2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tuyển dụng công chức vào làm việc tại các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc tuyển dụng công chức làm việc tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác, tiêu chuẩn và số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tuyển dụng nhằm lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại địa phương;

2. Mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia dự tuyển công chức cấp xã. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và đúng quy định. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số ít người.

3. Người được tuyển dụng làm công chức cấp xã phải có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt, đáp ứng tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm nhiệm đúng chức danh cần tuyển dụng.

4. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã phải thông qua Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã.

5. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự tuyển vào làm công chức cấp xã không được tham gia vào Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã.

Chương II

CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định. Kế hoạch tuyển dụng phải nêu rõ số lượng chức danh công chức cấp xã được giao, số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, cư trú tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên.

b) Có đơn dự tuyển, có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ và có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh đăng ký dự tuyển, trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên của chuyên ngành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức tuyển dụng.

c) Không mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không trong thời gian đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích hoặc đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Những người đăng ký dự tuyển đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an ngoài các điều kiện trên còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu).

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật dán ảnh 4 x 6 theo mẫu quy định, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang công tác, học tập trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

3. Bản sao giấy khai sinh;

4. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập (học bạ hoặc bảng điểm quá trình đào tạo) theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển;

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

7. Hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận;

Điều 6. Phương thức tuyển dụng

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an thực hiện việc xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (Nghị định số 112/2011/NĐ-CP).

Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã.

Điều 7. Ưu tiên trong tuyển dụng

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển công chức cấp xã:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: Được cộng 30 điểm vào tổng số điểm xét tuyển;

b) Người dân tộc thiểu số (trừ Tày, Nùng, Thái, Mường, Hoa) có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cao Bằng từ 03 năm (36 tháng) trở lên, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con Anh hùng Lực lượng vũ trang; con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng số điểm xét tuyển;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ dân quân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở xóm, tổ dân phố liên tục từ 03 năm (đủ 36 tháng) trở lên: Được cộng 10 điểm vào tổng số điểm xét tuyển.

2. Trường hợp người dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả xét tuyển.

Điều 8. Thẩm quyền tuyển dụng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Quy chế này, trừ trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã.

Điều 9. Hội đồng xét tuyển

1. Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng. Hội đồng xét tuyển hoạt động theo từng kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc phòng Nội vụ;

d) Một ủy viên là công chức thuộc Sở Nội vụ do Giám đốc Sở Nội vụ cử;

đ) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan đến chức danh công chức cấp xã cần tuyển.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số trên cơ sở các quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan, đồng thời có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập Ban kiểm tra sát hạch để giúp Hội đồng tuyển dụng kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng; tổ chức phỏng vấn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng theo quy định;

c) Tổ chức xét tuyển;

d) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức xét tuyển xong, Hội đồng xét tuyển phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức xét tuyển.

Chương III

XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 10. Nội dung xét tuyển

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Xét kết quả học tập của người dự tuyển;

b) Phỏng vấn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an: Xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 112/2011/NĐ-CP, không thực hiện tính điểm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 11. Cách tính điểm

1. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

2. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

3. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

4. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này và điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng, Hội đồng xét tuyển căn cứ kết quả học tập trong hồ sơ của người dự tuyển và điểm phỏng vấn để tính điểm theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 12. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển các chức danh công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên (điểm học tập chưa nhân hệ số 2);

b) Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo trình độ đào tạo, theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: Người có kết quả điểm học tập cao hơn là người trúng tuyển; nếu kết quả điểm học tập bằng nhau thì người có kết quả điểm tốt nghiệp cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự, Trưởng Công an là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định 112/2011/NĐ-CP và theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự) hoặc Trưởng Công an cấp huyện (nếu tuyển Trưởng Công an).

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 13. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ dự tuyển

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có nhu cầu tuyển dụng về số lượng công chức cần tuyển, về điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển cho từng chức danh, nội dung, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ dự tuyển và các thông tin khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Chậm nhất 07 ngày trước ngày tổ chức xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển, những người không đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

Điều 14. Thông báo kết quả tuyển dụng

1. Chậm nhất 15 ngày sau khi Hội đồng xét tuyển tổ chức xét tuyển và báo cáo kết quả xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

a) Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả tuyển dụng;
- Biên bản họp xét tuyển dụng của Hội đồng xét tuyển;
- Thông báo tuyển dụng;
- Danh sách đăng ký dự tuyển, trúng tuyển và không trúng tuyển thể hiện rõ kết quả học tập, điểm tốt nghiệp, điểm ưu tiên, kết quả xét tuyển và chức danh, đơn vị đăng ký dự tuyển của người dự tuyển (theo mẫu kèm theo);
- Hồ sơ của người đăng ký dự tuyển.

b) Chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản về kết quả tuyển dụng công chức cấp xã.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến phê duyệt kết quả tuyển dụng của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo và niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng; gửi thông báo kết quả xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả xét tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét tuyển. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức phúc khảo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả tuyển dụng công chức; đồng thời gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký, nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian người trúng tuyển đến nhận quyết định tuyển dụng.

Điều 15. Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày người dự tuyển nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Quy chế này, người trúng tuyển phải đến Phòng Nội vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, hồ sơ trúng tuyển phải được bổ sung để hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng, bao gồm:

a) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

b) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp;

c) Thời điểm cơ quan có thẩm quyền chứng thực văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và cấp phiếu lý lịch tư pháp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này được thực hiện trong thời hạn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển thì phải làm đơn đề nghị được gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển gửi Phòng Nội vụ. Thời gian gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ trúng tuyển theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 15 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển các chức danh Văn phòng - Thống kê; Tư pháp - Hộ tịch; Tài chính - Kế toán; Văn hóa - Xã hội; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) và ra quyết định bổ nhiệm đối với người trúng tuyển chức danh Trưởng công an và Chỉ huy trưởng quân sự. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ trúng tuyển theo quy định tại Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

4. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm người được tuyển dụng, bổ nhiệm phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm có quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào công chức cấp xã có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn (trước khi kết thúc thời hạn nêu trên) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này.

5. Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại Khoản 3 Điều này và trường hợp người được tuyển dụng bị hủy bỏ

quyết định tuyển dụng do không đến nhận việc trong thời hạn quy định tại Khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề của chức danh công chức cần tuyển dụng đó, nếu người đó bảo đảm có đủ các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 hoặc Khoản 3 Điều 12 Quy chế này. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 12 Quy chế này.

Điều 16. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng

1. Những trường hợp sau đây Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua xét tuyển sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Người tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước; người tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước và đạt loại khá trở lên ở nước ngoài; người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng; trường hợp sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì trong thời gian công tác này được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Người tốt nghiệp đại học hệ cử tuyển của huyện cử đi học có chuyên ngành chuyên môn phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

c) Người tốt nghiệp đại học trở lên, công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, có chuyên ngành chuyên môn phù hợp, có thời gian từ đủ 60 tháng trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian hợp đồng lao động ở cấp xã, thời gian tập sự, thử việc; nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn); trong thời gian công tác 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

d) Cán bộ cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ mà có đủ các tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng theo quy định.

Các trường hợp trên phải bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận vào công chức cấp xã bao gồm:

a) Công văn đề nghị do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký, trong đó nêu rõ số lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng tương ứng với từng trường hợp đề nghị tiếp nhận trong phạm vi chỉ tiêu biên chế công chức cấp xã; nơi dự kiến bố trí công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng; dự kiến xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định hiện hành;

b) Văn bản đề nghị tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tiếp nhận đối với công chức cấp xã;

c) Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 16 Quy chế này; bản sơ yếu lý lịch theo mẫu số 2c ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 16 Quy chế này;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 16 Quy chế này, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 16 Quy chế này.

- Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng đã đạt được, có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại Điểm c và d Khoản 1 Điều 16 Quy chế này.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời. Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã bổ sung, hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, hồ sơ thực hiện việc tiếp nhận công chức cấp xã.

5. Trường hợp người được tiếp nhận vào công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này, đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc,

chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính để làm căn cứ xếp lương theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 06/2012/TT- BNV.

Chương V **TẬP SỰ**

Điều 17. Chế độ đối với người tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự và chế độ được hưởng trong thời gian tập sự thực hiện như sau: 12 tháng đối với công chức cấp xã được xếp lương ngạch chuyên viên và chuyên viên cao đẳng; 06 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch cán sự. Trường hợp có học vị thạc sĩ phù hợp với yêu cầu tuyển dụng thì được hưởng lương bậc 2 của ngạch chuyên viên. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau.

3. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của Luật Cán bộ, công chức về quyền, nghĩa vụ của công chức, những việc công chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác và chức trách, nhiệm vụ của chức danh công chức được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

4. Không thực hiện chế độ tập sự đối với:

a) Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an.

Điều 18. Hướng dẫn tập sự

Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày công chức đến nhận việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại Khoản 3, Điều 17 Quy chế này.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự

Người được phân công hướng dẫn tập sự được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu chung trong thời gian hướng dẫn tập sự.

Điều 20. Công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

Điều 21. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đáp ứng được yêu cầu của chức danh công chức tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Người tham gia tuyển dụng công chức cấp xã vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, giải quyết./.